|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH THÁI NGUYÊN--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 57/2014/QĐ-UBND | *Thái Nguyên, ngày 22 tháng 12 năm 2014* |

**QUYẾT ĐỊNH**

PHÊ DUYỆT BẢNG GIÁ ĐẤT GIAI ĐOẠN NĂM 2015 – 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Căn cứ Nghị quyết số 60/2014/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII kỳ họp thứ 11, Thông qua Bảng giá đất giai đoạn năm 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 554/TTr-STNMT ngày 19 tháng 12 năm 2014 về việc đề nghị phê duyệt Bảng giá đất giai đoạn năm 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Công văn số 2743/STC-QLG ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Sở Tài chính về việc thẩm định Bảng giá đất giai đoạn năm 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Phê duyệt Bảng giá đất giai đoạn năm 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

*(Có Quy định giá các loại đất và các Phụ lục chi tiết số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09 kèm theo).*

**Điều 2.**Bảng giá đất được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

a) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân;

b) Tính thuế sử dụng đất;

c) Tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;

d) Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

đ) Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý và sử dụng đất đai;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

**Điều 3.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh hướng dẫn UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức thực hiện. Trong thời gian thực hiện Bảng giá đất, khi Chính phủ điều chỉnh khung giá đất hoặc giá đất phổ biến trên thị trường có biến động thì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Bảng giá đất theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Bộ Tài nguyên và Môi trường;- Bộ Tài chính;- Bộ Tư pháp;- Tổng cục QLĐĐ;- Thường trực Tỉnh uỷ;- TT HĐND tỉnh;- UBMT Tổ quốc tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh;- TT BCĐ GPMB tỉnh;- Trung tâm Thông tin tỉnh;- Như Điều 4; - CT và các PCT UBND tỉnh;- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;- Lưu: VT, KTTH, TH, KTN, NC, QHXD, VX, TCD. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNHKT. CHỦ TỊCHPHÓ CHỦ TỊCHNhữ Văn Tâm** |